| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ GC**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 27/02/2023
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đảnh;

2. Ông Đàm Kiến Dân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa*: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1958; (có mặt)
Địa chỉ: ấp TT, xã ĐS, huyện GCT, Tỉnh Tiền Giang;

*2. Bị đơn*:

*2.1.* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1958; (có mặt)
*2.2.* Ông Nguyễn Văn NH, sinh năm: 1959; (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp 2, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày*:

Vào ngày 10/01/2022 vợ chồng ông NH và bà Đ có mua vật liệu xây dựng và còn nợ là 80.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả là từ ngày 10/02/2022, nhưng sau khi ký hợp đồng thì bị đơn không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu bị đơn cùng có nghĩa vụ trả cho bà

số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 80.000.000 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:*

Vợ chồng bà có mua vật liệu xây dựng của bà Đ vào năm 2018 để phụ thêm xây nhà vì năm đó nhà nước cho tiền hỗ trợ, lúc mua thì cũng có trả tiền có thiếu lại. Khi xây dựng nhà xong thì các bên chốt nợ còn lại là 18.000.000 đồng sau đó vợ chồng bà có trả là 6.000.000 đồng nên còn nợ lại bà Đ 12.000.000 đồng. Đầu năm 2022 bà Đ có xuống nhà yêu cầu vợ chồng bà trả nợ và phụ lãi là 80.000.000 đồng, vợ chồng bà đồng ý và ký vào giấy nợ nhưng cũng chưa thực hiện được. Nay bà Đ yêu cầu trả 80.000.000 đồng vợ chồng bà không đồng ý chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã BX, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền mua bán vật liệu xây dựng. Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông NH phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 80.000.000 sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do vợ chồng ông NH, bà Đ ký tên ngày 10/01/2022. Bị đơn bà Đ, ông NH chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở, bởi vì giao dịch mua bán giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua các biên nhận ngày 10/01/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện rõ vào ngày 10/01/2022 bà Đ, ông NH

có nợ tiền vật tư làm nhà của bà Đ với số tiền 80.000.000 đồng, cho trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 10/02/2022 âm lịch. Bị đơn bà Đ, ông NH chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng vì vợ chồng bà có mua vật liệu xây dựng của bà Đ vào năm 2018 để phụ thêm xây nhà vì năm đó nhà nước cho tiền hỗ trợ, lúc mua thì cũng có trả tiền có thiếu lại. Khi xây dựng nhà xong thì các bên chốt nợ còn lại là 18.000.000 đồng sau đó vợ chồng bà có trả là 6.000.000 đồng nên còn nợ lại bà Đ 12.000.000 đồng. Đầu năm 2022 bà Đ có xuống nhà yêu cầu vợ chồng bà trả nợ và phụ lãi là 80.000.000 đồng, vợ chồng bà đồng ý và ký vào giấy nợ nhưng cũng chưa thực hiện được. Lời trình bày của bà Đ, ông NH là không có cơ sở, bởi vì bà Đ, ông NH đã đồng ý và thống nhất số nợ 80.000.000 đồng với bà Đ vào ngày 10/01/2022. Ông NH, bà Đ là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, cho nên phải chịu trách nhiệm cho việc ký tên vào biên nhận nợ của ông, bà.

Xét thấy số tiền trên bà Đ, ông NH nợ đã lâu, khi ký biên nhận hai bên đã thỏa thuận cho trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 10/02/2022 âm lịch nhưng vợ chồng bà Đ, ông NH đã không trả tiền cho bà Đ đúng quy định, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo Điều 440 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn cho nguyên đơn. Việc bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Đ, ông NH.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông NH, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn NH có nghĩa vụ trả cho bà Đ tổng cộng 80.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

**2**. Về án phí:

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn NH do là người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Văn Thưa**